

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 23/9/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ;

Để thống nhất việc xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn như sau:

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này áp dụng đối với: Các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, các Ban của Đảng, cơ quan trung ương các Hội đoàn thể, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - dưới đây viết tắt là đề tài, dự án KH&CN); các hoạt động phục vụ công tác quản lý các đề tài, dự án KH&CN của cơ quan có thẩm quyền.

Các định mức chi, lập dự toán khác của đề tài, dự án KH&CN không quy định cụ thể tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Giải thích từ ngữ:

a. Đề tài nghiên cứu khoa học: Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế,... được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

b. Dự án sản xuất thử nghiệm (dự án SXTN): Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế-xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

c. Dự án khoa học và công nghệ (dự án KH&CN): Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và một số dự án sản xuất thử nghiệm gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

d. Chuyên đề khoa học: Là một vấn đề khoa học cần giải quyết trong quá trình nghiên cứu của một đề tài, dự án KH&CN, nhằm xác định những luận điểm khoa học và chứng minh những luận điểm này bằng những luận cứ khoa học, bao gồm luận cứ lý thuyết (cơ sở lý luận) và luận cứ thực tế (là kết quả khảo sát, điều tra, thí nghiệm, thực nghiệm do chính tác giả thực hiện hoặc trích dẫn công trình của các đồng nghiệp khác).

Chuyên đề khoa học được phân thành 2 loại dưới đây:

- Loại 1: Chuyên đề nghiên cứu lý thuyết bao gồm các hoạt động thu thập và xử lý các thông tin, tư liệu đã có, các luận điểm khoa học đã được chứng minh là đúng, được khai thác từ các tài liệu, sách báo, công trình khoa học của những người đi trước, hoạt động nghiên cứu-thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, từ đó đưa ra những luận cứ cần thiết để chứng minh luận điểm khoa học.

- Loại 2: Chuyên đề nghiên cứu lý thuyết kết hợp triển khai thực nghiệm, ngoài các hoạt động như chuyên đề loại 1 nêu trên còn bao gồm các hoạt động điều tra, phỏng vấn, khảo cứu, khảo nghiệm, thực nghiệm trong thực tế nhằm đối chứng, so sánh, phân tích, đánh giá để chứng minh luận điểm khoa học.

e. Chuyên gia quy định tại Thông tư này: Là người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu, tối thiểu có 05 năm kinh nghiệm về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án; nắm vững cơ chế quản lý KH&CN; có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, chuyên giao và áp dụng các kết quả KH&CN vào thực tế sản xuất; có uy tín chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

g. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đề tài, dự án KH&CN: Là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ: Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; phê duyệt nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài, dự án.

h. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án KH&CN: Là tổ chức có tư cách pháp nhân được cơ quan quản lý có thẩm quyền giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện đề tài, dự án.

PHẦN II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN:

a. Chi công tác tư vấn: Xác định đề tài, dự án KH&CN; tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án KH&CN, bao gồm chi công lao động khoa học của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các hồ sơ đề tài, dự án, thẩm định nội dung và tài chính của đề tài, dự án; chi họp các hội đồng tư vấn; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia công tác tư vấn.

b. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu kết quả của đề tài dự án ở cấp quản lý đề tài, dự án, bao gồm chi công khảo nghiệm kết quả của các đề tài, dự án, chi công lao động của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả của các đề tài, dự án; chi các cuộc họp của đoàn kiểm tra, tổ chuyên gia thẩm định, hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có), hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu.

c. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN.

2. Nội dung chi của các đề tài, dự án KH&CN:

a. Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án, bao gồm:

- Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện các đề tài, dự án KH&CN, như: Nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu các quy trình công nghệ, giải pháp KH&CN, thiết kế, chế tạo thử nghiệm; nghiên cứu lý thuyết các luận cứ trong khoa học xã hội và nhân văn; thực hiện, theo dõi thí nghiệm, phân tích mẫu; điều tra khảo sát, thiết kế Phiếu điều tra, điều tra xã hội học; xử lý, phân tích số liệu điều tra khảo sát, điều tra xã hội học; viết các phần mềm máy tính; báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án, báo cáo kiến nghị; chi hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ;

- Chi công lao động khác phục vụ triển khai đề tài, dự án.

b. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, các loại xuất bản phẩm, dụng cụ, bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

c. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

- Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án;
- Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của đề tài, dự án;
- Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;
- Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

d. Các khoản chi về: Công tác phí trong nước; đoàn ra, đoàn vào; hội nghị, hội thảo chung của đề tài, dự án; văn phòng phẩm, in ấn; dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài; quản lý chung nhiệm vụ KH&CN của đơn vị chủ trì (bao gồm trả công lao động gián tiếp phục vụ triển khai đề tài, dự án; trả tiền điện nước, cước phí văn thư, điện thoại văn phòng; tiền sử dụng phương tiện làm việc của cơ quan chủ trì, ...); nghiệm thu cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ, bao gồm cả nội dung chi cho chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu); đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại (nếu có) đối với sản phẩm của đề tài, dự án; một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài, dự án.

3. Phân định nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước:

a. Ngân sách nhà nước đầu tư vào các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng nghiên cứu trọng điểm được xác định trong chiến lược phát triển KH&CN; các đề tài, dự án KH&CN thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản hoặc nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nghiên cứu chiến lược, chính sách và lĩnh vực công ích phục vụ phát triển kinh tế xã hội của cả nước, địa phương, vùng lãnh thổ.

b. Đối với các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng KH&CN ưu tiên của Nhà nước, ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c. Các đề tài, dự án KH&CN thuộc hướng KH&CN nghiên cứu triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ và các đề tài, dự án KH&CN thuộc các lĩnh vực khác, chủ yếu do tổ chức, cá nhân tự đầu tư kinh phí.

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc phân loại các đề tài, dự án KH&CN thuộc các hướng nghiên cứu KH&CN nêu tại mục này.

4. Các khung định mức phân bổ ngân sách:

a. Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa |
|-------|---|---------------|---------------------------|
| 1 | Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | | |
| a | Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố. | Đề tài, dự án | 1.500 |
| b | Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án | Đề tài, dự án | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | | 300 |
| | - Thành viên, thư ký khoa học | | 200 |
| | - Thư ký hành chính | | 150 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì | | |
| a | Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện | | |

| | | | |
|----------|--|---------------|-------|
| | - Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng ký | 01 Hồ sơ | 450 |
| | - Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký | 01 Hồ sơ | 400 |
| | - Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên | 01 Hồ sơ | 360 |
| b | Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng | | |
| | - Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký | 01 Hồ sơ | 300 |
| | - Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký | 01 Hồ sơ | 270 |
| | - Nhiệm vụ có từ 07 hồ sơ đăng ký trở lên | 01 Hồ sơ | 250 |
| c | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án | Đề tài, dự án | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | | 300 |
| | - Thành viên, thư ký khoa học | | 200 |
| | - Thư ký hành chính | | 150 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| 3 | Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án | | |
| | - Tổ trưởng tổ thẩm định | Đề tài, dự án | 250 |
| | - Thành viên tham gia thẩm định | Đề tài, dự án | 200 |
| 4 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN | | |
| a | Nhận xét đánh giá | | |
| | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện | đề tài, dự án | 1.000 |
| | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng | đề tài, dự án | 600 |
| b | Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án). | Báo cáo | 1.000 |
| c | Họp Tổ chuyên gia (nếu có) | Đề tài, dự án | |
| | - Tổ trưởng | | 250 |
| | - Thành viên | | 200 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| d | Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức | Đề tài, dự án | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | | 400 |
| | - Thành viên, thư ký khoa học | | 300 |
| | - Thư ký hành chính | | 150 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |

b. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Định mức xây dựng và phân bổ dự toán tối đa |
|-------|--|----------------------|---|
| 1 | Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt | Đề tài, dự án | 2.000 |
| 2 | Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án) | Chuyên đề | |
| | - Chuyên đề loại 1 | | 10.000 |
| | - Chuyên đề loại 2 | | 30.000 |
| 3 | Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXXH và nhân văn | Chuyên đề | |
| | - Chuyên đề loại 1 | | 8.000 |
| | - Chuyên đề loại 2 | | 12.000 |
| 4 | Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án | Báo cáo | 3.000 |
| 5 | Lập mẫu phiếu điều tra: - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu | Phiếu mẫu được duyệt | 500 500 1.000 |
| 6 | Cung cấp thông tin : - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu | Phiếu | 50 50 70 |
| 7 | Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra | Đề tài, dự án | 4.000 |
| 8 | Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt) | Đề tài, dự án | 12.000 |
| 9 | Tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ) | | |
| a | Nhận xét đánh giá | | |
| | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện | Đề tài, dự án | 800 |
| | - Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng | Đề tài, dự án | 500 |
| b | Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia cho 01 đề tài hoặc 01 dự án). | Báo cáo | 800 |
| c | Hợp Tổ chuyên gia (nếu có) | Đề tài, dự án | |
| | - Tổ trưởng | | 200 |
| | - Thành viên | | 150 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| d | Hợp Hội đồng đánh giá nghiệm thu | Đề tài, dự án | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | | 200 |
| | - Thành viên, thư ký khoa học | | 150 |

| | | | |
|----|---|---------------|--------|
| | - Thư ký hành chính | | 100 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| 10 | Hội thảo khoa học | Buổi hội thảo | |
| | - Người chủ trì | | 200 |
| | - Thư ký hội thảo | | 100 |
| | - Báo cáo tham luận theo đặt hàng | | 500 |
| | - Đại biểu được mời tham dự | | 70 |
| 11 | Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án | Tháng | 1.000 |
| 12 | Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho Thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định). | Năm | 15.000 |

Đối với các đề tài, dự án KH&CN: Các định mức quy định tại Thông tư này để thống nhất việc xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách đối với các đề tài, dự án và định hướng chi; khi tiến hành chi và kiểm soát chi thực hiện theo quy định về chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính- Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN: Các định mức quy định tại Thông tư này là định mức chi tối đa.

PHẦN III. LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT KINH PHÍ

1. Xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN:

Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương: Căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn các đề tài, dự án KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các đề tài, dự án KH&CN trong năm và khung định mức chi quy định tại Thông tư này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN :

a. Căn cứ :

- Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các định mức kinh tế-kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, các khung định mức phân bổ ngân sách quy định tại Thông tư này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

b. Yêu cầu:

- Dự toán kinh phí của đề tài, dự án được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các sản phẩm cụ thể của đề tài, dự án.

- Cán bộ được giao chủ trì nhiệm vụ, đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN xem xét phê duyệt.

3. Thẩm tra và phê duyệt dự toán của đề tài, dự án KH&CN:

a. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế-kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự

án KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

b. Đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp bộ, tỉnh, thành phố có dự toán kinh phí được xây dựng từ 300 triệu đồng trở lên (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 600 triệu đồng trở lên (đối với các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ); các đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước có dự toán được xây dựng từ 500 triệu đồng trở lên (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và từ 1.000 triệu đồng trở lên (đối với các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) hoặc các đề tài, dự án phức tạp, căn cứ xây dựng dự toán chưa rõ và các đề tài, dự án khác mà cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thấy cần thiết phải có tổ thẩm định dự toán kinh phí thì:

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN (bao gồm các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án KH&CN, các chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính và các nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án KH&CN cần thẩm định);

- Tổ thẩm định căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn (hoặc Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án KH&CN) để tư vấn cho thủ trưởng cơ quan quản lý đề tài, dự án KH&CN về tổng kinh phí cần thiết cho việc triển khai đề tài, dự án KH&CN phù hợp với các nội dung được phê duyệt, số kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tính khả thi về thị trường, hiệu quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của đề tài, dự án KH&CN.

4. Giao dự toán và quyết toán kinh phí:

- Giao dự toán: Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN được cơ quan có thẩm quyền giao, các Bộ, ngành, địa phương thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc như sau:

+ Dự toán chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN: Giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động này.

+ Dự toán chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN: Giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

- Về quyết toán kinh phí: Thực hiện theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Kinh phí của đề tài, dự án KH&CN phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, không chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án.

PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 “Hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KH&CN” của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Đối với các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

Khi tiền lương tối thiểu chung của Nhà nước được cấp có thẩm quyền điều chỉnh tăng thêm trên 50% so với mức lương tối thiểu chung quy định tại Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung hoặc khi thay đổi phương pháp xác định dự toán kinh phí của đề tài, dự án, thì liên Bộ Tài chính - Bộ KH&CN sẽ xem xét điều chỉnh, sửa đổi bổ sung định mức phân bổ ngân sách đối với các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước cho phù hợp.

Căn cứ vào tình hình thực tế và trong phạm vi định mức của Thông tư này, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành các

định mức cụ thể để thực hiện thống nhất trong phạm vi Bộ, cơ quan trung ương, địa phương mình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phản ánh về liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ để xử lý ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Trần Quốc Thắng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Văn phòng TW, Văn phòng Quốc hội.
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước.
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao.
- Kiểm toán nhà nước.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN, Kho bạc NN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
- Cơ quan trung ương của các Đoàn thể.
- Công báo.
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp.
- Website Chính phủ.
- Website Bộ Tài chính.
- Lưu: Bộ TC (VT, Vụ HCSN), Bộ KH&CN (VT, Vụ KHTC)..